

**DANH MỤC VĂN BẢN QUY ĐỊNH CHI TIẾT VÀ NỘI DUNG GIAO
QUY ĐỊNH THUỘC THẨM QUYỀN BAN HÀNH CỦA UBND TỈNH**

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk)

STT	Tên văn bản giao quy định	Hiệu lực của văn bản giao quy định	Điều/ khoản/ điểm (<i>nội dung giao</i>)	Tên VBQĐCT hoặc nội dung giao quy định	Cơ quan chủ trì soạn thảo VBQĐCT hoặc nội dung giao quy định	Cơ quan phối hợp (<i>nếu có</i>)	Thời hạn trình thông qua/ ban hành	Ghi chú
I. LĨNH VỰC NỘI VỤ								
01	- Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng số 02/2020/UBTVQH14; - Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng	Ngày 01/7/2021 Ngày 15/02/2022	- Điểm d khoản 1 Điều 51 Pháp lệnh quy định: UBND tỉnh có trách nhiệm “ <i>Ban hành quy chế quản lý công trình ghi công liệt sĩ, mộ liệt sĩ trên địa bàn</i> ”. - Khoản 4 Điều 152 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP quy định: “ <i>4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quy chế quản lý công trình</i>	Quyết định ban hành Quy chế quản lý các công trình ghi công liệt sĩ, mộ liệt sĩ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường, cơ quan, tổ chức khác có liên quan	Quý II năm 2026	Xây dựng Quyết định nhằm bãi bỏ Quyết định số 07/2023/QĐ-UBND ngày 07/3/2023 ban hành Quy chế quản lý các công trình ghi công liệt sĩ, mộ liệt sĩ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; UBND tỉnh Phú Yên (trước đây) đã ban hành Quyết định số 31/2024/QĐ-UBND ngày 01/7/2024 ban hành Quy chế quản

STT	Tên văn bản giao quy định	Hiệu lực của văn bản giao quy định	Điều/ khoản/ điểm (nội dung giao)	Tên VBQĐCT hoặc nội dung giao quy định	Cơ quan chủ trì soạn thảo VBQĐCT hoặc nội dung giao quy định	Cơ quan phối hợp (nếu có)	Thời hạn trình thông qua/ ban hành	Ghi chú
			<i>ghi công liệt sĩ, mộ liệt sĩ trên địa bàn”.</i>					lý các công trình ghi công liệt sĩ, mộ liệt sĩ trên địa bàn tỉnh Phú Yên
02	Nghị định số 370/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 150/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành	Ngày 01/01/2026	Khoản 1 Điều 16 Nghị định số 150/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Điều 8 Nghị định số 370/2025/NĐ-CP quy định: “ <i>Điều 16. Khung số lượng phòng thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã: 1. Căn cứ các nhóm ngành, lĩnh vực được quy định tại Điều 15 Nghị định này và các tiêu chí về phân loại đơn</i>	Quyết định Quy định khung số lượng và tên gọi các phòng chuyên môn áp dụng tại Ủy ban nhân dân các xã, phường trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường, cơ quan, tổ chức khác có liên quan	Quý II năm 2026	Đề nghị ban hành Quyết định theo trình tự, thủ tục rút gọn

STT	Tên văn bản giao quy định	Hiệu lực của văn bản giao quy định	Điều/ khoản/ điểm (nội dung giao)	Tên VBQĐCT hoặc nội dung giao quy định	Cơ quan chủ trì soạn thảo VBQĐCT hoặc nội dung giao quy định	Cơ quan phối hợp (nếu có)	Thời hạn trình thông qua/ ban hành	Ghi chú
	phổ trực thuộc trung ương		<i>vị hành chính, ..., Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định khung số lượng và tên gọi các phòng chuyên môn được áp dụng tại đơn vị hành chính cấp xã thuộc phạm vi quản lý, bảo đảm không vượt quá bình quân 4,5 tổ chức (bao gồm: các phòng chuyên môn và Trung tâm Phục vụ hành chính công) trên 01 đơn vị hành chính cấp xã; ...”.</i>					
II. LĨNH VỰC TÀI CHÍNH								
01	Thông tư số 11/2017/TT-BTC ngày 08/02/2017 của	Ngày 01/4/2017	Điều 4 quy định: “ <i>Căn cứ quy định tại Điều 5 Thông tư</i>	Quyết định ban hành Quy chế quản lý và sử	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành, UBND các	Quý II năm 2026	Xây dựng Quyết định nhằm bãi bỏ Quyết định số

STT	Tên văn bản giao quy định	Hiệu lực của văn bản giao quy định	Điều/ khoản/ điểm (nội dung giao)	Tên VBQĐCT hoặc nội dung giao quy định	Cơ quan chủ trì soạn thảo VBQĐCT hoặc nội dung giao quy định	Cơ quan phối hợp (nếu có)	Thời hạn trình thông qua/ ban hành	Ghi chú
	Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác		<i>này, UBND cấp tỉnh ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua NHCSXH để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác”.</i>	dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk		xã, phường, cơ quan, tổ chức khác có liên quan		25/2017/QĐ-UBND ngày 19/9/2017 của UBND tỉnh Đắk Lắk (cũ) về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách Xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk
02	Nghị định số 96/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành	Ngày 31/3/2026	Khoản 8 Điều 22 quy định: “8. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xác định và công bố địa bàn ưu đãi đầu tư cấp xã trên	Quyết định xác định và công bố địa bàn ưu đãi đầu tư cấp xã trên	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường, cơ quan, tổ	Quý II năm 2026	

STT	Tên văn bản giao quy định	Hiệu lực của văn bản giao quy định	Điều/ khoản/ điểm (nội dung giao)	Tên VBQĐCT hoặc nội dung giao quy định	Cơ quan chủ trì soạn thảo VBQĐCT hoặc nội dung giao quy định	Cơ quan phối hợp (nếu có)	Thời hạn trình thông qua/ ban hành	Ghi chú
	một số điều của Luật Đầu tư		<i>tu cấp xã theo quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều này và gửi thông tin về Bộ Tài chính để theo dõi, tổng hợp</i>	địa bàn tỉnh Đắk Lắk		chức khác có liên quan		
03	Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai	Ngày 01/7/2025	Khoản 6 mục I phần III Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 151/2025/NĐ-CP: <i>“Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định mức nộp cụ thể nhưng không thấp hơn 50% số tiền được xác định theo diện tích đất chuyên trồng lúa phải chuyển sang mục đích phi nông</i>	Quyết định Quy định mức nộp cụ thể số tiền được xác định theo diện tích đất chuyên trồng lúa phải chuyển sang mục đích phi nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường, cơ quan, tổ chức khác có liên quan	Quý III năm 2026	Xây dựng Quyết định nhằm bãi bỏ Quyết định số 16/2025/QĐ-UBND ngày 18/3/2025 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc quy định mức nộp tiền khi được nhà nước giao đất, cho thuê đất để sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp từ đất chuyên trồng lúa trên địa bàn tỉnh Đắk

STT	Tên văn bản giao quy định	Hiệu lực của văn bản giao quy định	Điều/ khoản/ điểm (nội dung giao)	Tên VBQĐCT hoặc nội dung giao quy định	Cơ quan chủ trì soạn thảo VBQĐCT hoặc nội dung giao quy định	Cơ quan phối hợp (nếu có)	Thời hạn trình thông qua/ ban hành	Ghi chú
			<i>nghiệp nhân với giá của loại đất trồng lúa tính theo Bảng giá đất tại thời điểm chuyển mục đích sử dụng đất”.</i>					Lắc và Quyết định số 47/2025/QĐ-UBND ngày 10/6/2025 của UBND tỉnh Phú Yên quy định mức nộp tiền để nhà nước bổ sung diện tích đất chuyên trồng lúa bị mất hoặc tăng hiệu quả sử dụng đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Phú Yên
III. LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG								
01	Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10/02/2021 quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai	Ngày 30/3/2021	<i>b) Căn cứ khung giá tiền sử dụng khu vực biển quy định tại khoản 1 Điều này và điều kiện kinh tế, xã hội cụ thể, Ủy ban</i>	Quyết định ban hành Quy định mức thu tiền sử dụng khu vực biển đối với từng hoạt động khai	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường, cơ	Quý IV năm 2026	Xây dựng Quyết định nhằm bãi bỏ Quyết định số 06/2022/QĐ-UBND ngày 28/02/2022 quy định mức thu tiền sử dụng khu vực

STT	Tên văn bản giao quy định	Hiệu lực của văn bản giao quy định	Điều/ khoản/ điểm (nội dung giao)	Tên VBQĐCT hoặc nội dung giao quy định	Cơ quan chủ trì soạn thảo VBQĐCT hoặc nội dung giao quy định	Cơ quan phối hợp (nếu có)	Thời hạn trình thông qua/ ban hành	Ghi chú
	thác, sử dụng tài nguyên biển (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 65/2025/NĐ-CP)		<i>nhân dân cấp tỉnh ban hành 05 năm một lần mức thu tiền sử dụng khu vực biển cụ thể đối với từng nhóm hoạt động sử dụng khu vực biển trên địa bàn tỉnh thuộc thẩm quyền giao khu vực biển của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; c) Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm ban hành mức thu tiền sử dụng khu vực biển cụ thể theo quy định tại điểm a và điểm b khoản này</i>	thác, sử dụng tài nguyên biển 05 năm (2026-2031) trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk		quan, tổ chức khác có liên quan		biên đối với từng hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển 05 năm (2021 - 2026) trên địa bàn tỉnh Phú Yên

STT	Tên văn bản giao quy định	Hiệu lực của văn bản giao quy định	Điều/ khoản/ điểm (<i>nội dung giao</i>)	Tên VBQĐCT hoặc nội dung giao quy định	Cơ quan chủ trì soạn thảo VBQĐCT hoặc nội dung giao quy định	Cơ quan phối hợp (<i>nếu có</i>)	Thời hạn trình thông qua/ ban hành	Ghi chú
			<i>trong thời hạn không quá 90 ngày kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành”</i>					
IV. LĨNH VỰC TƯ PHÁP								
01	Nghị định số 121/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp	01/7/2025	Khoản 3 Điều 39 quy định: “ <i>Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định trình tự, thủ tục hỗ trợ chi phí tư vấn pháp luật...</i> ”	Quyết định Quy định trình tự, thủ tục hỗ trợ chi phí tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk	Sở Tư pháp	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường, cơ quan, tổ chức khác có liên quan	Quý III năm 2026	